

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
BAN CHỈ ĐẠO CHƯƠNG TRÌNH
“XÂY DỰNG MÔ HÌNH ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO KH&CN
PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KT-XH NÔNG THÔN VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2004 - 2010”

Bản tin
NỘI BỘ

Tháng 11+12
2007

Kính biểu

**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VỀ VÙNG SÂU VÙNG XA**

(Xem trang 5)

**NINH BÌNH: LAM CHỦ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT GIỐNG
Tạo đã phát triển nghề nuôi của biển**

(Xem trang 9)

**GIẢM NGHEO NHỜ ỨNG DỤNG
TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Xem trang 14)



BAN BIÊN TẬP

Bản tin nội bộ Chương trình Nông thôn, miền núi

Rất mong nhận được tin, bài của các cộng tác viên ở khắp các tỉnh, thành trong nước

Mọi thông tin xin liên hệ: Văn phòng Chương trình Nông thôn, miền núi

Tầng 5, 70 Trần Hưng Đạo - Hà nội * Tel: 04.9421076 * Fax: 04.9422143

Email: vanphong_ntmn@most.gov.vn

Bến Tre: Thâm canh bưởi Da xanh chất lượng cao

NGUYỄN NGUYỄN OÁNH



Tỉnh Bến Tre là một tỉnh trung tâm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Bến Tre có diện tích cây ăn quả trên 40.000ha với nhiều chủng loại cây ăn quả đặc sản của miền Nam. Trong đó bưởi Da xanh liệt kê vào nhóm cây ăn quả chất lượng cao có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh thị trường trong và ngoài nước.

Hiện tại Bến Tre có 1.544ha trồng bưởi da xanh ở thị xã Bến Tre, huyện Chợ Lách, Châu Thành và Mỏ Cày. Tuy nhiên theo đánh giá chung việc phát triển bưởi Da xanh còn chậm, mang tính tự phát, sản xuất còn manh mún, phân tán theo từng hộ gia đình, chưa tạo sự liên kết giữa các hộ trong khu vực, số lượng thiếu tập trung, chất lượng không đồng nhất, một số yêu cầu về giống, kỹ thuật thâm canh, thu hoạch và bảo quản... chưa thực hiện tốt. Việc hình thành vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên, xen canh hợp lý, ứng dụng những tiến bộ khoa học và công nghệ mới, tạo chất lượng sản phẩm cao, xây dựng vùng sản xuất ra sản phẩm hàng hoá có thương hiệu,

nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, năm 2006 Bộ Khoa học và Công nghệ đã đầu tư hỗ trợ dự án “Xây dựng mô hình thâm canh và tổ chức tiêu thụ bưởi Da xanh theo hướng hàng hoá an toàn và chất lượng cao tại địa bàn huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre”, do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách chủ trì, thời gian thực hiện từ tháng 12/2006 -12/2009. Với mục tiêu xây dựng mô hình sản xuất bưởi Da xanh theo hướng an toàn, chất lượng tốt, quy mô trồng mới 100ha và thâm canh 50ha. Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý sản xuất và tiêu thụ bưởi Da xanh, chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng tập trung, gắn sản xuất nông nghiệp với kinh tế hàng hoá.

Theo báo cáo của cơ quan chủ trì, qua gần 2 năm thực hiện, Dự án đã đạt được một số kết quả: Đã tiến hành điều tra 561,7ha (Trong đó: 486,27ha diện tích buổi trồng xen và 75,42ha trồng buổi chuyên canh), tổ chức đào tạo 37 kỹ thuật viên, hướng dẫn, tập huấn kỹ thuật 117 cán bộ kỹ thuật và 1.900 lượt nông dân tham dự, tiến hành trồng mới và thâm canh 100ha buổi Da xanh. Đã huy động nhiều nguồn lực đầu tư cho Dự án, thông qua kinh phí hỗ trợ của Trung ương (1.100 triệu đồng) đã huy động thêm nguồn lực khác từ người nông dân tham gia (825 triệu đồng) cho việc triển khai thực hiện dự án. Đã nâng diện tích trồng mới tăng thêm 25% để đưa diện tích trồng mới ở huyện có điều kiện phát triển Buổi Da xanh (huyện Châu Thành, Thị xã, Giồng Trôm và Mỏ Cày) lên 400ha, đạt mục tiêu đề ra. Tạo điều kiện và phát triển được hệ thống cung cấp giống sạch bệnh được công nhận hiện có tại địa phương (cơ sở sản xuất giống Hai Đức, Trại thực nghiệm Cái Mơn) góp phần cung cấp 154.000 cây giống buổi Da xanh. Từ kết quả bước đầu của dự án, đã tạo tiền đề cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xác định

“Nội dung liên kết giữa các nhà: Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà nông - Nhà Doanh nghiệp” trong công tác chuyển giao công nghệ; Thông qua đó, giúp cho người dân tìm được những giải pháp tháo gỡ những khó khăn, bước đầu đã tạo ra được năng lực nội sinh trên địa bàn, có thể



chuẩn bị cho bước mở rộng dự án với quy mô lớn hơn. Đó là:

* Đã có được một đội ngũ kỹ thuật viên nông cốt nắm vững phương pháp luận và các quy trình kỹ thuật để hướng dẫn địa phương nhân rộng mô hình.

* Đã học hỏi được kinh nghiệm về phương thức hướng dẫn và hỗ trợ cộng đồng nông thôn từ xây dựng đến triển khai dự án phát triển nông thôn.

* Học hỏi được kinh nghiệm thu hút các chuyên gia khoa học công nghệ từ các Viện nghiên cứu tham gia giúp đỡ trên địa bàn nông thôn;

Như vậy, khi Dự án kết thúc, từ những mô hình điểm này sẽ là những điểm sáng để các địa phương khác có điều kiện tương tự học tập và nhân rộng. ■



TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỀ VÙNG SÂU VÙNG XA

NGUYỄN THUY HIỀN

Xuất phát từ nhu cầu của địa phương và đáp ứng nguyện vọng của bà con chăn nuôi tại đây, Bộ Khoa học và Công nghệ đã hỗ trợ thực hiện dự án “*Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt dưới tán rừng tại xã CuM’lan, huyện Ea Suốp, tỉnh Daklak*” thuộc Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng chuyển giao KHCN phục vụ phát triển KT-XH nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010”, UBND huyện Ea Suốp làm chủ trì và Viện KHKT nông lâm nghiệp Tây Nguyên là đơn vị chuyển giao. Dự án được triển khai thực hiện từ tháng 01/2006.

Theo báo cáo của cơ quan chủ trì, qua 2 năm thực hiện, dự án bước đầu đã đạt một số kết quả như sau:

* Đã xây dựng được 6 mô hình trang trại chăn nuôi bò thịt dưới tán rừng. Mỗi trang trại nuôi từ 30 - 40 con bò cái sinh sản giống lai Sind và 1 đực giống Brahman, trồng cỏ cao sản với diện tích từ 5.000 - 10.000m²/hộ. Đã đào tạo được 12 kỹ

Xã CuM’lan, huyện Ea Suốp, tỉnh Daklak là một trong những xã vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn, với diện tích đất rừng rộng lớn (21.000ha) và thảm thực vật dưới tán rừng phong phú thuận lợi cho phát triển chăn nuôi đại gia súc, đặc biệt là chăn nuôi bò. Tuy nhiên, do trình độ canh tác còn thấp, việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế, hiệu quả chăn nuôi mang lại chưa cao, ngành chăn nuôi phát triển kém chưa tương xứng với tiềm năng hiện có của vùng.

thuật viên. Đây là những hạt nhân bám sát địa bàn để nhân rộng mô hình và là cộng tác viên đắc lực cho Ban điều hành dự án trong việc thực hiện chuyển giao công nghệ. Tập huấn cho 80 lượt người chăn nuôi với 7 chuyên đề về kỹ thuật chăn nuôi - thú y nhằm nâng cao trình độ cho bà con nông dân trong huyện.

* Đến nay, với việc lai tạo giống bằng cách sử dụng bò đực Brahman nhảy trực tiếp với đàn cái nền lai Sind đã cho ra đời 78 bê lai chất lượng cao và hiện có hơn 100 bò cái nền đang mang thai từ việc phối giống nói trên.

Mặc dù dự án chưa kết thúc nhưng đến nay trên toàn huyện đã có thêm 43 mô hình chăn nuôi bò dưới tán rừng được hình thành từ việc học tập và làm theo các mô hình của dự án. Điều đó cho thấy hiệu quả dự án mang lại là hết sức thiết thực và có tính lan tỏa cao. (Xem tiếp trang 8)

Vĩnh Sơn là một xã nằm ở trung tâm huyện Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc, có diện tích tự nhiên 327,4 ha, trong đó 231,4 ha đất canh tác, số hộ 1.039, số dân 4.764 nhân khẩu.

Ngành nghề chủ yếu là làm ruộng và nuôi rắn, nuôi rắn là một nghề đặc trưng và độc đáo của địa phương.

nuôi rắn trong khuôn viên đất ở, người nuôi nhỏ lẻ có diện tích 100 m², người nuôi nhiều lên tới vài trăm m². Trong những năm gần đây, người nuôi rắn đã mạnh dạn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kiên cố, ổn định để có thể nuôi lâu dài, quanh năm. Năm 2005, lượng rắn cả xã ước đạt 100 tấn, năm 2006 đạt khoảng 120 tấn, đem lại nguồn thu lớn cho người nuôi và địa phương, nguồn lợi từ nghề nuôi rắn chiếm khoảng 60-70% nguồn thu của xã Vĩnh Sơn. Rắn Vĩnh Sơn được bán tiêu thụ ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí

Phát triển nghề nuôi rắn Hồ Mang

NGUYỄN VIỆT NHÌ (Sở KH và CN Vĩnh Phúc)

Nếu hỏi nghề nuôi rắn ở đây có từ bao giờ, thì mọi người đều lắc đầu không biết chính xác, chỉ biết rằng trước đây Vĩnh Sơn là vùng bán sơn địa, sau mùa cày cấy, thu hoạch vào lúc nông nhàn, trai tráng trong làng đi khắp nơi tìm bắt rắn về bán cho khách (để làm thịt, ngâm rượu, làm thuốc), bắt mãi rồi nguồn rắn tự nhiên cũng cạn kiệt, từ đó người ta nghĩ đến việc nuôi rắn sinh sản, nuôi rắn thương phẩm. Trước đây, rắn nuôi gồm nhiều loại như cạp nong, cạp nia... nhưng hiện nay các hộ dân chỉ nuôi rắn hổ mang, vì loại rắn này phàm ăn, dễ nuôi, giá bán cao và được thị trường chấp nhận. Năm 1979, Nhà nước xây dựng Trại nuôi rắn sinh sản tại Vĩnh Sơn, nghề nuôi rắn Vĩnh Sơn được công nhận hợp pháp, Chi cục Kiểm lâm tỉnh kiểm tra, cấp giấy chứng nhận là rắn nuôi, tạo điều kiện thuận lợi đối với việc bán rắn hàng hoá. Hiện nay, số hộ nuôi rắn trong xã chiếm khoảng 70%, đa số nông hộ

Minh, xuất khẩu sang Trung Quốc, nhưng chủ yếu qua trung gian thương lái.

Tuy nhiên, người nuôi rắn ngoài lợi thế về kinh nghiệm, Trại rắn giống, Chi cục Kiểm lâm cấp giấy, thì còn gặp một số khó khăn đó là yếu tố về con giống và chất lượng giống, thức ăn, kỹ thuật nuôi và chăm sóc rắn, chữa trị rắn cắn, quy mô chăn nuôi nhỏ lẻ.

Vì vậy, năm 2005 Bộ Khoa học và Công nghệ đã hỗ trợ đầu tư Dự án: “Xây dựng mô hình Trung tâm Sản xuất rắn Hồ mang giống tại xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc”, thuộc Chương trình “xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến 2010”, thời gian thực hiện từ 8/2005 - 8/2007 do Trung tâm ứng dụng và Chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ Vĩnh Phúc chủ trì. Mục tiêu của dự án:

Xây dựng mô hình sản xuất rắn giống, đào tạo đội ngũ cán bộ địa phương và chuyển giao công nghệ cho Trung tâm rắn giống của xã và các nông hộ chăn nuôi rắn, tuyên truyền, phổ biến kỹ thuật nuôi rắn, chủ động tạo nguồn dược liệu quý cho địa phương, góp phần bảo vệ đa dạng sinh học đàn rắn tự nhiên. Qua hơn 2 năm thực hiện, Dự án đã đào tạo 20 kỹ thuật viên cho các cộng tác viên cơ sở, cán bộ tại Trung tâm và các hộ vệ tinh. Dự án đã tổ chức 06 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi và chăm sóc rắn

cho 400 lượt nông dân địa phương theo các Quy trình kỹ thuật: Quy trình ấp nở trứng rắn, quy trình nuôi rắn sơ sinh, quy trình nuôi rắn qua đông, mô hình chuồng trại nuôi rắn, quy trình phòng và trị bệnh cho rắn, quy trình chế biến thức ăn hỗn hợp nuôi rắn hổ mang do Viện Công nghệ sinh học chuyển giao và hướng dẫn.

Về cơ sở vật chất Dự án đã xây dựng nhà điều hành trại trung tâm 68m², nhà nuôi rắn sinh sản bố mẹ 160m² gồm 89 chuồng nuôi rắn đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật đưa vào sử dụng, trại nuôi rắn sơ sinh, rắn con ngoài trời diện tích 560m² gồm 128 ô chuồng, mỗi ô có thể nuôi thả 100 - 120 rắn con giống, phòng ấp trứng rắn

25m² đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, cải tạo và củng cố hệ thống sân vườn, tường rào, mương thoát nước, nhà kho dự trữ thức ăn...

Dự án đã tuyển chọn và nuôi 580 con rắn sinh sản bố mẹ (trọng lượng bình quân 2,5kg/con), đưa vào ấp 12.000 quả trứng đạt tỷ lệ trứng nở 80%, nuôi dưỡng 9.000 rắn con giống qua đông (trọng lượng bình quân

450g/con), tuyển chọn 1.000 rắn sinh sản hậu bị (trọng lượng bình quân 1 kg/con), rắn con năm thứ 2 đạt kết quả 1.500 con đảm bảo chỉ tiêu tăng trưởng.

Mô hình nuôi rắn tại Trung tâm và một số nông hộ (10 hộ): Trung tâm rắn giống là địa chỉ cung cấp rắn giống đảm bảo chất lượng và tư vấn tiến bộ khoa học và công nghệ về nuôi rắn, kết hợp nuôi rắn sinh sản với nuôi rắn thương phẩm.

Nghề nuôi rắn trong những năm gần đây đã nhận được sự quan tâm từ các cấp chính quyền, năm 2005, UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt Dự án xây dựng vùng Vĩnh Sơn thành điểm “Làng nghề chăn nuôi rắn, du lịch, dịch vụ”, với tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng được chia thành 2 giai đoạn. Giai đoạn I thực hiện trong 2 năm 2007-2008, tập trung giải phóng mặt bằng 10ha tại thôn 4 của xã để





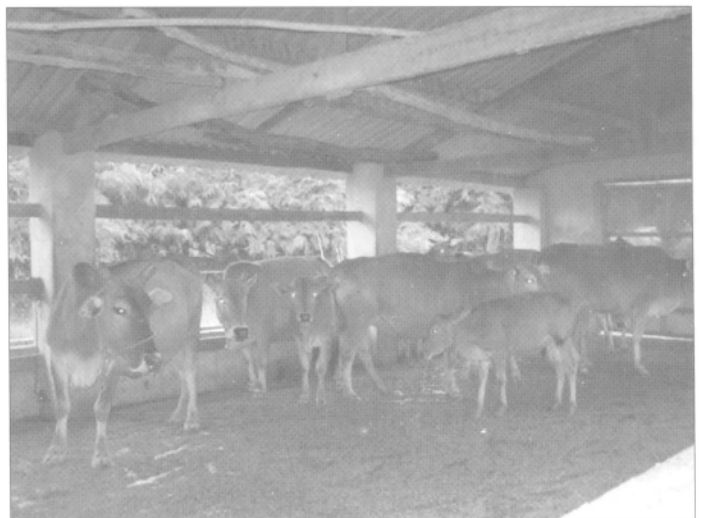
xây dựng khu chăn nuôi rắn tập trung, nhằm di dời toàn bộ các cơ sở chăn nuôi đan xen trong dân cư ra khu vực này, để vừa tạo ra sản phẩm từ chăn nuôi rắn một cách đa dạng, chăn nuôi theo quy mô lớn, thuận lợi cho việc áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, vừa đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường sinh thái. Năm 2007, thương hiệu “Rắn Vĩnh Sơn”

được một số sở ngành trong tỉnh tiến hành thực hiện các thủ tục đề nghị Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ bảo hộ.

Như vậy, nghề nuôi rắn Vĩnh Sơn đang nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền, các nhà khoa học từ Trung ương đến địa phương, thông qua việc thực hiện các Chương trình, Dự án nhằm thúc đẩy nghề nuôi rắn ở đây phát triển theo quy mô tập trung, nhằm khai thác các lợi thế và thế mạnh của địa phương, giải quyết và tạo công ăn việc làm tại chỗ cho người lao động, tăng thu nhập cho nông hộ, tạo ra một nguồn hàng hoá có giá trị được thị trường chấp nhận, xây dựng Vĩnh Sơn trở thành Làng nghề chăn nuôi rắn, kết hợp với du lịch, dịch vụ theo mong muốn của các cấp chính quyền và ước nguyện của người dân địa phương. ■

(Tiếp theo trang 5) Thu nhập của các hộ tham gia dự án cao hơn trước đây khoảng 30%. Ngoài ra các hộ còn được tập huấn kỹ thuật, trang bị kiến thức về chăn nuôi. Từ đó đã làm thay đổi tập quán sản xuất cũ, bước đầu đã tạo được niềm tin cho người dân trong vùng, bà con tham gia dự án phấn khởi và sẵn sàng tiếp nhận những tiến bộ kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất để tăng năng suất vật nuôi.

Như vậy, từ một số kết quả bước đầu của dự án cho thấy việc xây dựng thành công các mô hình đã mở ra hướng sản xuất mới giúp người nông dân có thêm việc làm, tăng thu nhập, góp phần bảo vệ môi trường. Đặc biệt là giúp người dân biết khai thác hợp lý nguồn tài nguyên rừng để làm giàu. Từ mô hình này là điểm sáng để nhân rộng các điểm có điều kiện tương tự, từ đó tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương góp phần ổn định cuộc sống, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây Nguyên. ■



NINH BÌNH: LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT GIỐNG

Tạo đà phát triển nghề nuôi cua biển

NGUYỄN NGỌC QUỲNH (Phó Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Ninh Bình)

Kim Sơn là huyện ven biển của tỉnh Ninh Bình, nuôi trồng thủy sản là một trong những thế mạnh của huyện. Nuôi trồng thủy sản đã góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, tạo thêm công ăn việc làm cho phần lớn bộ phận dân cư vùng bãi bồi ven biển, tăng thu nhập cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương. Từ đầu thập niên 90, nuôi trồng thủy sản đã có bước cải thiện đáng kể cả về số lượng và chất lượng. Năm 1991 diện tích nuôi trồng thủy sản mới đạt 985ha, năm 1995 tăng lên 1.520ha, năm 2003 đạt 3.315ha. Công tác thâm canh trong nuôi trồng thủy sản cũng được đẩy mạnh từ đánh bắt tự nhiên, đến nuôi quảng canh, rồi quảng canh cải tiến và từ năm 2004 bắt đầu nuôi tôm theo phương pháp công nghiệp, do đó sản lượng thủy sản tăng nhanh, nhất là thời kỳ 1995-2003. Năm 1995 tổng sản lượng nuôi trồng, đánh bắt đạt 1.328 tấn thì đến năm 2003 đạt 5.602 tấn. Cơ cấu sản phẩm nuôi trồng cũng chuyển đổi một cách tích cực và đa dạng hơn. Ngoài các con nuôi nước ngọt, các con nuôi nước mặn, nước lợ cũng bắt đầu tăng nhanh trong những năm vừa qua, đặc biệt là giống cua biển (loài *Scylla*

Paramamosain) có điều kiện để phát triển ở vùng bãi bồi ven biển Kim Sơn.

Ở Việt Nam, nghề nuôi cua biển (loài *Scylla Paramamosain*) đang phát triển khá mạnh đặc biệt là vùng ven biển do nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu tăng nhanh. Với đặc tính dễ nuôi, vốn đầu tư ít, thời gian quay vòng nhanh, phù hợp với khả năng đầu tư của các hộ nông dân. Vì vậy có thể nói con cua là loài vật nuôi xóa đói giảm nghèo của các hộ nông dân các tỉnh ven biển. Song hiện nay nghề nuôi cua gặp phải khó khăn lớn là cua giống không ổn định, hoàn toàn dựa vào khai thác tự nhiên, kích cỡ không đồng đều, không cùng ngày tuổi, phải kéo dài thời gian nuôi, tỷ lệ sống thấp, khó chăm sóc, hiệu quả kinh tế không cao. Đứng trước tình hình đó, việc nghiên cứu sinh sản nhân tạo và sản xuất cua giống đã được triển khai ở nhiều cơ sở nghiên cứu khoa học. Từ năm 1999-2001 Bộ Thủy sản đã giao cho Trung tâm Nghiên cứu Thủy sản III (Nha Trang – Khánh Hòa) thực hiện một đề tài cấp Nhà nước: “Nghiên cứu cho sinh sản giống cua nước lợ” rất thành công, đề tài đã được nghiệm thu và đang tiến hành chuyển giao công nghệ tại các tỉnh phía Bắc và miền Trung như: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Thanh Hóa,

Nghệ An... Tuy nhiên do công nghệ sản xuất cua giống ở nước ta còn mới, số lượng cua sản xuất ra được rất ít, diện tích nuôi cua ngày càng được mở rộng, nhu cầu cung cấp giống ngày càng tăng. Trong khi đó nguồn giống chủ yếu dựa vào khai thác tự nhiên, nên số lượng và chất lượng con giống chưa đảm bảo ổn định, lượng cua giống tự nhiên mới đảm bảo được nhu cầu từ 10 đến 15%.

Trong những năm vừa qua được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, Ủy ban Nhân dân huyện Kim Sơn đã lập xong Quy hoạch nuôi trồng thủy sản tiểu vùng III (từ Bình Minh 2 đến Bình Minh 3) và tổ chức triển khai từng bước theo quy hoạch, khai thác và sử dụng hợp lý vùng bãi bồi, tạo ra vùng sản xuất hàng hoá tập trung. Nuôi trồng thủy sản được nhân dân vùng ven biển đồng tình và tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển. Song hiện tại việc nuôi trồng thủy sản ở vùng bãi bồi ven biển Kim Sơn còn gặp rất nhiều khó khăn: Công tác quy hoạch, cơ sở hạ tầng và thực hiện các dự án trong vùng nuôi chưa hoàn thiện, các hộ nuôi trồng thủy sản chưa tuân thủ kỹ thuật và quy trình nuôi thả theo khung thời vụ, vệ sinh ao đầm, chọn giống, thức ăn làm ảnh hưởng đến năng suất và hiệu

quả kinh tế. Một khó khăn lớn hiện nay là lượng giống sản xuất tại chỗ rất ít, chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ so với yêu cầu nuôi thả của toàn vùng. Bên cạnh đó hình thức nuôi chủ yếu hiện nay là nuôi quảng canh cải tiến, năng suất mới đạt 0,5-0,7 tấn/ha/vụ. Trong năm 2006 tổng sản lượng cua biển của huyện Kim Sơn đạt 810 tấn (đạt 73% kế hoạch). Trên địa bàn của huyện, hiện nay có 4 trại sản xuất cua giống, hàng năm mới sản xuất được hơn một triệu con cua giống, mà nhu cầu của vùng hiện nay



là 13 triệu con. Như vậy số giống cua thiếu phải nhập từ các tỉnh phía Nam và của Trung Quốc khoảng 11 triệu con, chất lượng con giống không đảm bảo, không phù hợp với điều kiện tự nhiên và môi trường.

Vì vậy, năm 2005 Bộ Khoa học và Công nghệ đã đầu tư hỗ trợ dự án: “Xây dựng trại sản xuất giống cua biển (loài *Scylla Paramamosain*) tại vùng đầm nước lợ xã Kim Đông, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình”,



thời gian thực hiện từ tháng 8/2005 đến tháng 12/2007 do doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành chủ trì thực hiện. Tổng kinh phí dự án trên 3,5 tỷ đồng.

Mục tiêu của dự án:

- Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất của giống và nuôi của thương phẩm, công suất giai đoạn sản xuất đạt từ 1,5 đến 2 triệu con của giống/năm. Từng bước cung cấp con giống cho nhân dân trong vùng, góp phần bảo vệ môi trường và nguồn lợi sinh vật biển.

- Tiếp nhận công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật ương của giống từ của bột sản xuất tại trại cung cấp cho nhân dân địa phương.

- Thí điểm nuôi của theo hình thức bán thâm canh để chuyển giao cho nhân dân trong vùng.

Cơ quan chuyển giao công nghệ: Trung tâm Nghiên cứu Thủy sản III Nha Trang (tỉnh Khánh Hoà).

Nội dung cơ bản của dự án: Tiếp thu công nghệ về sản xuất của giống của Trung tâm Nghiên cứu thủy sản III; tổ chức sản xuất, hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện của Kim Sơn; đào tạo, nâng cao trình độ của lực lượng lao động kỹ thuật tại

trại.

Sau gần 2 năm thực hiện, Cơ quan chủ trì dự án đã phối hợp với cơ quan chuyển giao công nghệ tích cực, chủ động thực hiện các nội dung của dự án đảm bảo tiến độ theo thuyết minh đã được duyệt; đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật trại giống, tiếp thu công nghệ và tổ chức sản xuất đã đạt được các mục tiêu. Cơ quan chủ trì dự án đã chủ động bỏ vốn tự có của Doanh nghiệp xây dựng cơ sở vật chất như: Nhà xưởng, bể nuôi của sinh sản, trang thiết bị máy móc đáp ứng được yêu cầu công nghệ phục vụ cho của sinh sản. Đã cử 3 cán bộ kỹ thuật đi đào tạo tại Trung tâm Nghiên cứu Thủy sản III, đã nắm vững được các quy trình kỹ thuật về nuôi của biển. Đến nay doanh nghiệp đã thực hiện tổ chức sản xuất được trên 2 triệu con của giống, hoàn thành mục tiêu của dự án đề ra.

Như vậy, khi dự án kết thúc Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành là nơi cung cấp của giống với giá bán hợp lý đáp ứng cho nhu cầu sản xuất của thương phẩm của các hộ nông dân, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ở vùng ven biển huyện Kim Sơn. ■

Kết quả bước đầu của dự án nông thôn miền núi tại vùng đồng bào Mông huyện Trạm Tấu, Yên Bái

NGUYỄN VĂN TIẾN

Trạm Tấu là một huyện vùng cao, vùng sâu, vùng xa của tỉnh Yên Bái. Toàn huyện có 11 xã và 1 thị trấn, đều thuộc vùng III – vùng đặc biệt khó khăn của cả nước. Huyện có tổng diện tích đất tự nhiên là 74.202,2ha, trong đó đất nông nghiệp là 4.821,5ha (diện tích ruộng lúa nước chỉ có 780 ha) còn lại là đất tự nhiên và đồi rừng chiếm tới trên 90%).

Dân số của Huyện hiện nay là 22.030 người, chủ yếu là người dân tộc thiểu số (người Mông 75,9%, người Thái 16%); người Kinh và người dân tộc khác chỉ chiếm 8,1%

Sản xuất nương rẫy là đặc điểm nổi bật của vùng cao và là truyền thống có từ lâu đời của đồng bào Mông. Song do hình thức canh tác theo lối quảng canh, năng suất thấp, hàng năm đồng bào luôn thay đổi vị trí gieo trồng và không thâm canh vì vậy đất trở nên bạc màu, dẫn đến hiện tượng phát đốt rừng làm nương rẫy.

Để góp phần ổn định đời sống của bộ phận dân cư vẫn buộc phải trông cậy vào canh tác nương rẫy, góp phần phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường tự nhiên thì việc thay đổi tập quán canh tác của bộ phận dân cư này bằng các phương thức canh tác bền vững, ổn định, hiệu quả cao và đa dạng hóa nguồn thu dựa trên các hoạt động Nông Lâm nghiệp kết hợp với chăn nuôi đại gia súc là việc làm cấp thiết. Vì vậy, năm 2006 Bộ Khoa học và Công nghệ đã phê duyệt dự án: “Xây dựng mô hình canh tác trên đất nương rẫy của đồng bào Mông huyện Trạm Tấu, theo hướng bền vững kết hợp nông lâm nghiệp và chăn nuôi đại gia súc”, thời gian thực hiện năm 2006-2007, do UBND huyện Trạm Tấu làm cơ quan chủ trì. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp KHCN trung ương là 300 triệu. Với mục tiêu, xây dựng được mô hình sản xuất bền vững lúa nương kết hợp với trồng rừng phòng hộ và trồng cỏ nuôi trâu bò theo hướng kinh tế hộ gia đình ở vùng cao huyện Trạm Tấu.

Qua hơn 1 năm thực hiện, dự án đã tổ chức đào tạo và tập huấn kỹ thuật cho 200 hộ người Mông trong vùng dự án về kỹ thuật canh tác trên đất nương rẫy và chăn nuôi gia súc.

Dự án đã xây dựng được 8ha mô hình canh tác bền vững trên đất nương rẫy kết hợp với chăn nuôi gia súc tại 9 hộ tham gia.

Trong quá trình triển khai dự án, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án đã phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyển giao công nghệ - Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Yên Bái cùng cấp ủy, chính quyền xã Trạm Tấu bám sát nội dung, tiến độ của dự án theo Thuyết minh đã được phê duyệt, cán bộ kỹ thuật phòng Kinh tế đã lập kế hoạch rất cụ thể từng công việc và thời gian thực hiện, phối hợp chặt chẽ với khuyến nông viên cơ sở xã Trạm Tấu bám sát địa bàn, tuyên truyền vận động nhân dân tích cực thực hiện từng công đoạn của Mô hình.

Với phương thức chỉ đạo cụ thể, quyết liệt như vậy, Dự án đã có được kết quả như sau:

1. Đã hoàn thiện diện tích các loại cây trồng trong mô hình (08ha), gồm:

- Cỏ voi và cỏ Decumben:

Diện tích 02ha, sinh trưởng tốt. Năng suất cỏ voi lúa đầu đạt 90 tấn/ha.

- Cây lâm nghiệp:

Diện tích 01ha, tỉ lệ sống 90% sinh trưởng phát triển tốt.

- Lúa nương:

Diện tích 3,5ha. Vụ đầu năng suất lúa nương của các hộ trong mô hình (8 hộ người Mông), trung bình đạt 22,76 tạ/ha, gấp 2,09 lần năng suất bình quân chung toàn huyện (10,88 tạ/ha). Có 3 hộ đạt năng suất 22,9-23,2 tạ/ha (Giàng Sống Tu, Giàng A Phia, Giàng Ga Páo). Điều đó đã cho thấy hiệu quả bước đầu của việc thực hiện canh tác bền vững theo mô hình nông, lâm kết hợp.

- Cây ăn quả:

Diện tích 1,5ha, tỉ lệ sống trên 80%, cây sinh trưởng phát triển khá.



2. Chuồng trại:

Đã hoàn thiện việc xây dựng chuồng trại theo kế hoạch:

+ Diện tích: Chuồng 1: 105m²; Chuồng 2: 75m².

+ Khung chuồng: bằng gỗ tạp.

+ Mái: lợp tấm lợp Fibro xi măng (400 tấm).

+ Nền chuồng: Đổ bê tông max 150, dày 10cm.

+ Xung quanh bó vỉa bằng gạch.

Các hộ tham gia dự án đã hoàn thiện hố phân, giống chuồng.

Đến 25/12/2007, Dự án đã mua và cung ứng cho các hộ nuôi bò 2 đực giống lai Sind F1 và 12 bò cái sinh sản.

Dự án đã được nghiệm thu bước 1 đánh giá: Dự án đã thực hiện đạt kết quả theo thuyết minh được phê duyệt, các loại cây trồng thực hiện trong Dự án đều sinh trưởng phát triển tốt. Chuồng trại đã được xây dựng; đàn bò đang được mua bổ sung để đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

Cơ quan chủ trì đang chuẩn bị mở hội nghị đầu bờ để đánh giá một cách khách quan kết quả của Dự án và bước đầu khuyến cáo với các hộ dân trong vùng. ■

GIẢI NGHÈO NHỜ ÁP DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

NGUYỄN MINH PHƯƠNG

Xã Hưng Đạo huyện Hoà An là xã vùng cao phía Tây Bắc của tỉnh Cao Bằng có tiềm năng về phát triển kinh tế nông lâm nghiệp. Diện tích tự nhiên toàn huyện là 65.648ha, dân số 71.499 người (chiếm 9,9% về diện tích và 14,26% về dân số toàn tỉnh, trong đó đất lâm nghiệp và đồi núi là 31.174,4ha, trong đó đất rừng là 24.577,81ha. Đến năm 2002, diện tích đất trồng rừng 4.296,96ha chủ yếu là thông, sa mộc, bạch đàn, keo lai... chiếm 17,48% diện tích đất lâm nghiệp có rừng, trong cơ

cấu rừng của huyện, rừng tự nhiên có 20.280, 85ha chiếm 82,51% với các loài cây ưa ánh sáng như họ dẻ, trám, nghiến... Diện tích rừng tự nhiên lớn nhưng chủ yếu là rừng tái sinh, tỷ lệ cho gỗ sử dụng nhỏ, tỷ lệ phế thải lớn.

Cao Bằng nói chung và xã Hưng Đạo huyện Hoà An nói riêng có điểm xuất phát từ nền kinh tế thấp, mặc dù trong những năm qua được sự quan tâm hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, Tỉnh uỷ và Ủy ban nhân dân tỉnh đã tích cực đầu tư về nhiều mặt trong lĩnh vực kinh tế, chính trị - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, nông lâm nghiệp và đã đạt được một số thành tựu trong việc phát triển kinh tế - xã hội, nhưng vẫn là một trong những xã nghèo của tỉnh cần được tiếp tục nghiên cứu phát triển một cách toàn diện theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vì vậy, năm 2005 Bộ Khoa học và Công nghệ đã đầu tư hỗ trợ Dự án “Xây dựng mô hình xưởng chế biến gỗ ván dăm tại xã Hưng Đạo, huyện Hoà An tỉnh Cao Bằng” do Công ty TNHH xây dựng Quang

Minh Cao Bằng là Tổ chức chủ trì thực hiện, thời gian thực hiện từ tháng 1/2006-12/2007. Với mục tiêu nhằm chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ chế biến sau thu hoạch góp phần khai thác tài nguyên rừng hợp lý, bảo vệ và cải thiện môi trường, phát triển cụm xã tiểu thủ công nghiệp góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào vùng cao đặc biệt khó khăn của tỉnh Cao Bằng. Cụ thể Dự án xây dựng mô hình sản xuất và chế biến gỗ ván nhân tạo, tạo ra sản phẩm hàng hoá có giá trị cao; làm động lực thúc đẩy sản xuất nghề rừng phát triển có tính định hướng, ổn định và có hiệu quả kinh tế cao, góp phần khai thác tài nguyên rừng hợp lý, bảo vệ và cải thiện môi trường bền vững; Mặc dù dự án chưa hết thời gian thực hiện và chưa được nghiệm thu; Với số kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí SNKHCN TW rất nhỏ: 500 triệu đồng,

MỞ HƯỚNG ĐI MỚI CHO NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HÀ TĨNH

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Hà Tĩnh là một tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ, có chiều dài bờ biển khoảng 137km và 18.000 km² hải phận tạo ra một tiềm năng dồi dào để phát triển nghề nuôi biển. Vùng nước mặn lợ có trên 6100ha bãi triều, bốn cửa lạch chính, hai cửa lạch phụ và nhiều ao hồ có nguồn lợi tự nhiên đáng kể cùng với hàng vạn ha mặt nước nội địa, ruộng trũng, sông suối, ao hồ... là điều kiện thuận lợi để phát triển nghề nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên hiện nay việc khai thác, sử dụng các tiềm năng và lợi thế của địa phương còn

phát triển chậm, thu nhập của người dân từ thủy sản còn thấp. Một trong những nguyên nhân chính đó là sự tiếp cận và áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào phát triển sản xuất còn hạn chế, năng suất thu nhập trên một đơn vị diện tích còn thấp. Nhằm khai thác, tận dụng các lợi thế sẵn có của địa phương và áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ để phát triển nghề nuôi biển là một hướng đi đúng đắn và hoàn toàn phù hợp với điều kiện của địa phương.

Chính vì vậy, năm 2005 Bộ Khoa học và Công nghệ đã đầu tư hỗ trợ

→ với tổng kinh phí thực hiện dự án 10.380 triệu đồng; nhưng dự án đã hoàn thành và thu được những kết quả rất đáng khích lệ; Gỗ ván nhân tạo MDF do dự án sản xuất từ nguyên liệu gỗ rừng trồng keo lai, gỗ tận dụng, cành ngọn, loại gỗ cây có chất lượng thấp, các phế liệu dạng mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu và rất nhiều phế liệu khác đã đạt chất lượng sản phẩm cao; Theo tính toán ban đầu mỗi năm xưởng sản xuất gỗ MDF Cao Bằng sẽ tận thu được 7.000 – 10.000m³ gỗ củi tận dụng để tạo ra 5.000 - 7.000m³ sản phẩm/năm; Tạo công ăn việc làm trực tiếp cho 40 - 50 lao động sản xuất công nghiệp với thu nhập bình quân 1.000.000 - 1.500.000đ/người/tháng; Điều quan trọng sau nhiều năm các sản phẩm từ rừng chưa tìm được đầu ra cho sản phẩm thì dự án đã góp phần rất lớn trong việc giải quyết triệt để sản phẩm đầu ra cho nông dân trong tỉnh, chấm dứt được nạn khai thác gỗ củi bán với giá rẻ của người dân để kiếm sống.

Như vậy khi Dự án kết thúc, nếu mô hình này được nhân rộng ra các huyện khác có điều kiện tương tự trong tỉnh Cao Bằng. Đây là bước đột phá cơ bản hỗ trợ cho đồng bào các dân tộc vùng cao từ chỗ đời sống canh tác lạc hậu, nghèo nàn chưa biết làm ăn, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trở thành điểm sản xuất công nghiệp chế biến tận thu sản phẩm, góp phần giúp đỡ đồng bào các dân tộc biết cách khai thác tài nguyên, bảo vệ và cải thiện môi trường, xoá đói, giảm nghèo cho đồng bào vùng sâu vùng xa đặc biệt khó khăn. ■

Dự án “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nuôi cá lồng trên biển tại Hà Tĩnh”, do Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Xuân Hoà chủ trì thực hiện, Dự án được triển khai tại khu vực cảng biển nước sâu Vũng Áng, với mục tiêu ứng dụng công nghệ Nauly để phát triển nuôi cá lồng trên biển góp phần phát triển kinh tế của địa phương, quy mô 600m^3 lồng theo công nghệ NaUy và 400m^3 lồng gỗ truyền thống, với năng suất 1-1,5 tấn/ 100m^3 , do Phân viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản Bắc Trung Bộ thuộc Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 1 là đơn vị chuyển giao công nghệ về nuôi cá biển cho Dự án.

Theo báo cáo của HTX nuôi trồng thủy sản Xuân Hoà, sau 2 năm triển khai thực hiện, được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp quản lý, sự phối hợp giữa các bên liên quan, đến nay Dự án đã triển khai theo đúng tiến độ và kế hoạch đề ra, bước đầu đạt được kết quả khả quan: Dự án đã tiến hành chuyển giao công nghệ, đào tạo, tập huấn về các quy trình và kỹ thuật nuôi, lắp đặt và vận hành 4 lồng nuôi theo công nghệ Nauly ($300\text{m}^3/\text{lồng}$); 2 mảng lồng gỗ truyền thống (8 ô nuôi/mảng); tiến hành nuôi các đối tượng cá biển có giá trị kinh tế cao như cá giò, cá Mú... Sau hai năm triển khai Dự án đã hoàn thành được mục tiêu, nội dung và khẳng định hiệu quả của dự án, với tổng sản lượng cá nuôi các loại đạt 17,5 tấn, lợi nhuận thu được từ mô hình ước tính đạt khoảng 300 triệu đồng.

Từ thành công đáng mừng của dự án cho thấy đây là kết quả của việc xác định được vấn đề đúng đắn, sự chỉ đạo giám sát thường xuyên của cơ



quan quản lý, quá trình phối hợp thực hiện, sự nỗ lực cố gắng của các bên tham gia. Từ khâu xây dựng dự án, lựa chọn công nghệ, lựa chọn địa điểm triển khai và sự phối hợp trong công tác chuyển giao công nghệ cho dự án. Được thể hiện cụ thể như việc lựa chọn áp dụng công nghệ lồng Nauly, lồng được hình thành bằng các ống chất dẻo, có độ bền cao (tuổi thọ trên 25 năm), không gây ô nhiễm, có thể chống chịu gió bão cấp 11 - 12, lồng này có thể sử dụng để nuôi nhiều loại cá biển có giá trị kinh tế cao, cho sản lượng 4 - 5 tấn/lồng/năm. So với công nghệ đóng lồng truyền thống bằng khung gỗ trước đây, công nghệ đóng lồng của Nauly là một bước tiến nhảy vọt, phục vụ tốt cho nghề nuôi hải sản với tính đặc thù chống chịu được gió bão, đã được thực tế kiểm nghiệm trong quá trình triển khai tại Hà Tĩnh.

Như vậy, khi dự án kết thúc, từ mô hình nuôi cá lồng biển nếu được nhân rộng trong vùng, sẽ thu hút được hàng ngàn lao động và đưa lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao vì với vùng biển của Hà Tĩnh hoàn toàn có thể phát triển các khu công nghiệp tập trung chuyên nuôi lồng bè. ■

Xã Hướng Việt được thành lập theo Nghị định số 08/2004/NĐ-CP ngày 02/01/2004 của Chính phủ, từ Hướng Lập chia thành 2 xã Hướng Lập và Hướng Việt. Xã Hướng Việt có diện tích tự nhiên 6.520ha, 182 hộ với 1.038 nhân khẩu, mật độ dân số 16 người/km². Cư dân chính của xã Hướng Việt là dân tộc Vân Kiều 176 hộ, dân tộc Kinh chỉ có 6 hộ. Nguồn sống chính của dân cư Hướng Việt là thu nhập từ sản xuất nông nghiệp với tập quán canh tác lạc hậu, tự cấp tự túc.

các loại cây trồng khác như cây công nghiệp dài ngày (cà phê mít, hồ tiêu), cây thực phẩm (lạc, đậu đỗ...), cây ăn quả (mít, chuối, dưa...) các hộ chỉ trồng theo nhu cầu gia đình.

Những năm qua chủ trương phát triển kinh tế - xã hội miền núi của Đảng và Nhà nước đã hỗ trợ Hướng Việt đạt được những thành quả bước đầu về xoá đói giảm nghèo, xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt, thủy lợi, trường học, trạm xá... nhờ vậy Hướng Việt đã có những bước biến đổi thực sự. Tuy nhiên, để phát huy được nội lực của Hướng Việt cần

Tiến bộ khoa học và công nghệ mới về xã

VƯƠNG ĐỨC TUẤN

Nông nghiệp là ngành sản xuất chính của xã Hướng Việt, phương thức sản xuất đặc trưng là đốt nương làm rẫy với các khâu công việc chính là : Phát đốt, cốt (chọc lỗ) và tĩa... Hướng Việt có 50 ha ruộng lúa nước, hơn 100 ha lúa nương rẫy (85 ha lúa nương, 16 ha lúa rẫy). Trình độ sản xuất thấp, chủ yếu quảng canh, nhờ trời nên năng suất cao nhất (năm 2002) lúa nước chỉ đạt 25 tạ/ha/vụ, lúa nương rẫy 9-10 tạ/ha.

Sản xuất lương thực của Hướng Việt còn ngô và sắn. Diện tích sản xuất ngô năm 2003 là 34,5ha, năng suất đạt 14 tạ/ha, sắn 23ha, năng suất đạt 75 tạ/ha. Ngoài sản xuất lương thực và chăn nuôi đại gia súc,

tháo gỡ nhiều khó khăn về trình độ sản xuất, khả năng tiếp cận với những tiến bộ khoa học và công nghệ mới... vì vậy, năm 2005 Bộ Khoa học và Công nghệ đã phê duyệt Dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ phát triển kinh tế hộ gia đình cải thiện điều kiện sống, khai thác hợp lý tiềm năng của vùng sản xuất hàng hoá ở vùng đồng bào dân tộc Vân Kiều xã Hướng Việt, huyện Hướng Hoá tỉnh Quảng Trị”, thời gian thực hiện từ tháng 8/2005- 8/2008 do Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị chủ trì. Mục tiêu của Dự án xây dựng cho xã hệ thống canh tác cây ngắn ngày phù hợp tăng thu nhập trên đơn vị diện tích đất sản xuất

cây hàng năm, khi kết thúc dự án không còn hộ đói nghèo. Xây dựng vườn điều ghép đạt yêu cầu kỹ thuật, hết thời kỳ kiến thiết cơ bản vườn điều ra hoa đúng thời vụ, năng suất vụ bói 300kg/ha. Năng suất định hình thấp nhất 1.000kg/ha đưa cây điều thành cây công nghiệp dài ngày chủ lực, hình thành khối lượng sản phẩm hàng hoá nông sản của vùng.



Theo báo cáo của cơ quan chủ trì, sau hơn hai năm thực hiện, Dự án đã đào tạo 09 kỹ thuật viên vi tính, 04 kỹ thuật viên trồng trọt và mở 14 lớp tập huấn hướng dẫn quy trình kỹ thuật cho hơn 450 lượt nông dân tham gia, dự án đã xây dựng các mô hình:

* Mô hình cây lúa nước: Đã thực hiện được 50/80ha, năng suất bình quân đạt từ 40-45 tạ/ha tăng 1,5 đến 2 lần so với những năm trước chưa thực hiện dự án. Hiện nay đang triển khai thực hiện 30ha vụ Đông Xuân 2007-2008.

* Mô hình cây lạc: Đã thực hiện được 15 ha/30ha năng suất đạt bình quân từ 20 tạ-22 tạ/ha, tăng gấp 1,7 lần. Hiện nay đang thực hiện 15ha vụ Đông Xuân 2007 - 2008.

* Mô hình cây lúa cạn: Đã thực hiện được 10/10ha, năng suất đạt bình quân từ 20-25 tạ/ha gấp 2 lần.

* Mô hình cây ngô: Đã thực hiện được 30/30ha, năng suất bình quân đạt từ 40-50 tạ/ha, tăng gấp 1,5 lần.

* Mô hình cây đậu xanh: Đã thực

hiện được 10/10ha, năng suất đạt 15 tạ/ha, tăng 1,5 lần.

* Mô hình cây dài ngày (cây điều ghép) đã trồng xong 30ha và trồng cây lâm nghiệp làm đai rừng chắn gió xung quanh. Hiện nay cây Điều ghép sinh trưởng tốt, sau 18 tháng trồng cây cao trung bình từ 1,5m đến 2m.

* Mô hình cung cấp thông tin KHCN phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn: Xây dựng hoàn chỉnh phòng máy vi tính: 02 bộ máy vi tính, 01 máy in, 01 bộ Multiprojector, 02 ổ áp, 03 UPS, 02 bộ bàn ghế và đĩa mềm và 01 máy fotocoopy. Lưu trữ và cung cấp các tài liệu khoa học và công nghệ nhằm tuyên truyền phổ biến kiến thức cho cán bộ và nhân dân trong xã.

Từ kết quả bước đầu của Dự án, đã cho thấy bà con dân tộc Vân Kiều rất phấn khởi với những kết quả đạt được từ các mô hình khi được áp dụng những tiến bộ khoa học và công nghệ mới tạo niềm tin vững chắc cho bà con dân tộc định canh định cư, ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế. Khi dự án kết thúc đây sẽ là những điểm sáng để nhân rộng ra các xã vùng dân tộc biên giới có điều kiện tương tự. ■

Sử dụng phân hữu cơ vi sinh vật chức năng:

GIẢI PHÁP CỨU HỒ TIÊU

THANH HUYỀN

Người trồng tiêu đã từ lâu có thói quen sử dụng phân bón hóa học và đạt được thành tựu nhất định trong việc tăng năng suất. Song canh tác không đúng kỹ thuật (bón phân không cân đối, không đúng liều lượng) nên chất lượng hồ tiêu thấp, đất trồng và môi trường đã có nhiều biến đổi theo chiều hướng xấu, đặc biệt sâu bệnh xuất hiện ngày càng nhiều đe dọa nghiêm trọng đến khả năng sản xuất ở các vùng trồng tiêu.

Trong nhiều năm gần đây người trồng tiêu phải đối mặt với bệnh héo rũ, với tốc độ lây lan nhanh làm chết hàng loạt vườn tiêu. Cụ thể ở Bình Dương tỷ lệ này là 20%, Đắk Nông 22%, Bình Phước 25%, Đồng Nai 23%, Bà Rịa Vũng Tàu tới 50%. Biện pháp duy nhất được khuyến cáo áp dụng là đốt cây bệnh sau đó khử trùng bằng hóa chất vùng gốc cây bị bệnh. Thực tế sản xuất tiêu đang đòi hỏi các giải pháp khoa học công nghệ có tác dụng cải thiện môi trường đất, tăng năng suất, chất lượng hồ tiêu, đồng thời hạn chế được bệnh héo rũ. Dự án: “Ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất phân hữu cơ vi sinh vật chức năng sử dụng cho hồ tiêu ở tỉnh Bình Dương và vùng hồ tiêu trọng điểm ở các tỉnh phía Nam” thuộc Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao KH&CN phục vụ phát triển KT-XH nông thôn và miền núi” của Bộ KH&CN triển khai từ 8/2005 - 8/2008 sẽ tìm ra lời giải cho bài toán trên.

Phân hữu cơ vi sinh vật chức năng (VSVCN) là kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước KC.04.04, do Viện KHKTNN Việt Nam chủ trì.



Sản phẩm không chỉ có ý nghĩa như một loại phân bón cung cấp chất dinh dưỡng cho đất và cây trồng, mà còn có tác dụng cải thiện, nâng cao sức sống của đất, đặc biệt có thể hạn chế một số bệnh vùng rễ cây trồng cạn, trong đó có bệnh héo rũ. Nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ VSVCN được khai thác từ phế thải chăn nuôi, chế biến và phụ phẩm nông nghiệp của địa phương và được chế biến, xử lý tạo thành các cơ chất hữu cơ giàu dinh dưỡng, bảo đảm vệ sinh cho người, môi trường và đối tượng cây trồng sử dụng. Trong kế hoạch của dự án, bên cạnh các chủng giống VSV được cung cấp từ Viện KHK-TNNVN (cơ quan chuyển giao), các cán bộ khoa học của Viện kết hợp cùng cán bộ địa phương, tiếp tục tuyển chọn và bổ sung thêm các VSV được phân lập từ đất, nước và vùng rễ cây trồng tại địa phương, qua đó làm giàu thêm nguồn gen VSV và nâng cao tính thích hợp của sản phẩm đối với cây trồng và điều kiện sinh thái ở địa phương.

Theo ông Nguyễn Văn Linh - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Hữu Cơ, sau 2 năm triển khai, dự án đào tạo được 7 kỹ thuật viên cơ sở tiếp nhận và áp dụng tốt 15 quy trình công nghệ sản xuất phân hữu cơ VSVCN, đồng thời tạo ra 2.584 tấn sản phẩm đảm bảo chất lượng. Hiện nay đã đưa vào khảo nghiệm 80 tấn

bón cho hồ tiêu tại 22 điểm mô hình với diện tích 31,5ha tại Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đắk Nông và Bình Thuận. Kết quả ghi nhận từ người trồng tiêu cho thấy sản phẩm phân hữu cơ VSVCN đã có tác dụng ngăn chặn bệnh héo rũ, bệnh chết nhanh, chết chậm trên cây hồ tiêu và bước đầu phục hồi có hiệu quả vườn tiêu bị bệnh. Để phổ biến kết quả này tới người trồng tiêu, chúng tôi đã tổ chức 4 hội thảo và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân hữu cơ VSVCN đối với cây hồ tiêu cho 300 nông dân, ông Linh cho biết.



Trong khuôn khổ dự án tại Bình Dương sẽ xây dựng một nhà máy sản xuất phân hữu cơ VSVCN, công suất 10.000 tấn/năm có thể đáp ứng phần lớn nhu cầu của người trồng tiêu trong tỉnh. Đáp

ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp tại Bình Dương và các tỉnh lân cận như Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu và Tây Ninh, nhà máy có thể mở rộng nâng công suất lên đến 20.000 tấn/năm hoặc triển khai với công suất tương tự ở những địa phương khác trong giai đoạn tới. Thành công của dự án không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn có giá trị thực tiễn và ý nghĩa KT-XH đối với tỉnh Bình Dương và các vùng trồng tiêu thuộc các tỉnh Đông Nam Bộ, đóng góp tích cực vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn. ■

NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN TRONG CẤP NƯỚC SINH HOẠT VÀ XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở NÔNG THÔN

NGUYỄN HOÀI CHÂU



Trong 20 năm qua điều kiện sinh hoạt của nhân dân ở nhiều vùng nông thôn đã có những thay đổi căn bản, rõ nhất là sự phát triển cơ sở hạ tầng và những dịch vụ công cộng. Riêng trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt có thể thấy rõ sự thay thế các giếng đào và giếng khoan UNICEF ở trong gia đình bằng hệ thống cấp nước sạch tập trung quy mô thôn, xã và liên xã. Ngoài ra nếu trước đây khái niệm xử lý nước thải còn chưa được hình thành rõ rệt ở đô thị và nhà máy thì ngày nay xử lý nước thải làng nghề, nước thải chăn nuôi đã là nhu cầu bức xúc của hầu hết các khu vực phát triển kinh tế mạnh ở nông thôn.

Nghiên cứu và phát triển ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong xây

dựng các hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung và xử lý nước thải sản xuất ở nông thôn là nhiệm vụ thường xuyên của Viện Công nghệ môi trường (thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam). Từ trên 10 năm về trước, thực hiện chỉ thị 200/Ttg ngày 29/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm cấp nước sinh hoạt ở nông thôn, lãnh đạo Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia (nay là Viện KH&CN VN) đã phát động và giao trách nhiệm cho nhiều tập thể khoa học trực thuộc ở cả hai miền tham gia trực tiếp vào lĩnh vực này. Nhiều đơn vị của Viện KH&CN VN đã gắn bó và trưởng thành với sự nghiệp này và đã có những đóng góp đáng được ghi nhận trong việc phát triển kỹ thuật cấp nước sinh hoạt quy mô nhỏ ở điều kiện nông thôn Việt Nam cũng như góp phần thiết thực giải quyết vấn đề nước sinh hoạt cho nhiều địa phương. Trung tâm Phát triển công nghệ cao (PTCNC) là đơn vị 35 của Viện KH&CN VN (trước thuộc Viện Khoa học vật liệu, nay thuộc Viện Công nghệ môi trường) là một trong những tập thể đó. Từ năm 1995 đến nay Trung tâm PTCNC đã trực tiếp tham gia xây dựng trên 400 hệ cấp nước sinh hoạt ở nông thôn trong hơn 30 tỉnh trong cả nước với vai trò là đơn vị tư vấn thiết kế, cung cấp thiết bị chủ yếu hoặc trực tiếp thi công xây dựng.

Tổng doanh thu từ các hợp đồng kinh tế, từ các hợp đồng thực hiện các việc kể trên của Trung tâm PTCNC đến nay đã đạt trên 60 tỷ đồng. Trung tâm đã chủ trì thực hiện hoặc là đơn vị chuyển giao công nghệ cho trên 30 đề tài, dự án cấp Nhà nước, cấp Bộ hoặc cấp tỉnh về cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường sản xuất ở nông thôn. Trong Chương trình Nông thôn – Miền núi của Bộ KH&CN Trung tâm PTCNC đã chủ trì thực hiện 4 dự án cấp nước sinh hoạt và 1 dự án xử lý nước thải. Do công nghệ xử lý nước phụ thuộc vào chất lượng nguồn nước và khả năng đầu tư, nên trên thực tế xử lý nước cấp cho sinh hoạt ở các vùng nông thôn khác nhau là việc không đơn giản, xuất phát từ sự đa dạng của nguồn nước và chi phí vận hành trạm nước ở nông thôn thường quá thấp. Thực tế việc xây dựng mỗi công trình cấp nước hoặc xử lý nước thải do Trung tâm PTCNC thực hiện đều là cả quá trình nghiên cứu công phu bắt đầu từ tính chất nguồn nước đến tính toán chi phí vận hành và khả năng tiếp nhận công nghệ của cán bộ ở địa phương.

Những sản phẩm nghiên cứu đã được Trung tâm PTCNC thử nghiệm và áp dụng thành công trên thực tế, nay đã được ứng dụng rộng rãi là:

Công nghệ keo tụ tiếp xúc ứng dụng để xử lý các nguồn nước có hàm lượng cặn lơ lửng cao.

Công nghệ xử lý nước ngầm nhiễm sắt với hàm lượng cao hơn 20 mg/l sử dụng vật liệu ALUWAT để hỗ trợ quá trình oxy hóa sắt trong nước.

Công nghệ xử lý nước ngầm nhiễm mangan đến 10 mg/l sử dụng vật liệu xúc tác phủ dioxyt mangan

Công nghệ xử lý nước ngầm có

hàm lượng Amoni cao đến 25 mg/l, kết hợp phương pháp lọc tiếp xúc và xử lý vi sinh.

Công nghệ xử lý nước thải mạ bạc.

Thiết bị điều chế nước Gia ven từ nước muối để khử trùng nước sinh hoạt và môi trường chăn nuôi.

Công nghệ hoạt hóa điện hóa khử trùng bệnh viện; khử trùng, khử mùi và tăng hiệu quả kinh tế của trang trại chăn nuôi.

Trong hai năm 2008-2009 Trung tâm PTCNC định hướng nghiên cứu các vấn đề sau:

- Công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi lợn quy mô trang trại với chi phí thấp, kết hợp sử dụng các hầm biogas kiểu mới và dây hồ sinh học.

- Chế tạo các thiết bị điều chế nước Gia ven công suất lớn sử dụng ở các trạm cấp nước có công suất đến 20.000m³/ngày.

- Ứng dụng công nghệ và vật liệu Nanô trong xử lý nước cấp và khử trùng trong y tế.

Nhìn lại sự phát triển của Trung tâm PTCNC trong thời gian trên 10 năm qua có thể nhận thấy chính những yêu cầu thực tế trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt và xử lý ô nhiễm môi trường ở nông thôn là động lực để nghiên cứu phát triển công nghệ của Trung tâm. Mặt khác việc giữ quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng địa phương như Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, Công ty cấp thoát nước, Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ và các cơ quan quản lý như Sở KH&CN, Sở TN&MT là cơ sở cho việc phát triển vững chắc địa bàn ứng dụng công nghệ mới của Trung tâm PTCNC. ■

VĨNH PHÚC: Bảo hộ nhãn hiệu “Cá thính Lập Thạch”

NGUYỄN VIỆT NHÌ

Lập Thạch là một huyện miền núi của tỉnh Vĩnh Phúc, diện tích tự nhiên 32.307,17 ha, 36 xã, thị trấn và 207.326 nhân khẩu (2003). Là một huyện thuần nông, được bao bọc bởi hai con sông: Phó Đáy, Sông Lô, có nhiều đầm hồ, sông suối như hồ Vân Trục, Bò lạc, Suối Sải, Đá Ngang, Khuôn, Đá Mang, Quan và các ao đầm như Đầm Miên, Ao Nứa... Các đầm, hồ tự nhiên không chỉ phục vụ phát triển lâm, nông, nghiệp ở địa phương, mà còn là cơ sở cho việc phát triển thủy sản như cá, tôm.

Đã từ lâu, cá thính hay còn gọi là cá muối chua là món thức ăn mang nhiều nét độc đáo, đặc sắc ở nhiều địa phương thuộc huyện miền núi Lập Thạch, cá thính ngon và nổi tiếng là ở các xã Cao Phong, Đức Bác.

Cách chế biến cá thính tuy không cầu kỳ nhưng đòi hỏi phải có thời gian. Cá nguyên liệu là các loại cá có vảy lớn như cá mè, chép... được làm sạch, để khô ướp muối từ 3-6 ngày ở trong lọ thủy tinh/chum sành để cho cá cứng và ngấm muối. Sau đó lấy cá ra khỏi lọ thủy tinh/chum sành dùng 2 tay ép cá cho chảy hết nước muối. Sử dụng thính: Rang ngô/gạo, say mịn thành bột thính, rồi nhồi bột thính vào bụng cá, mang cá, miệng cá, xoa thính thấm đều thân cá, sau một tuần lại bỏ ra rửa sạch bột thính đã ướp, tiếp



tục ướp bột thính mới rang, sau ba lần thay bột thính, mới cho cá vào lọ để làm chua. Lọ để làm chua: Lọ cổ cao miệng nhỏ bằng thủy tinh/sành sứ, xếp cá vào trong lọ, xếp ngửa miếng cá lên trên để khi úp lọ xuống, thì miếng cá sẽ úp bụng xuống dưới cho dễ chảy nước xuống. Dùng rơm sạch hoặc lá chuối khô, vò kỹ nhét vào trong miệng lọ, dùng que tre ghim chặt rơm (phía trong miệng lọ), úp miệng lọ đựng cá xuống lon nước lã (chậu, xong, đĩa), sao cho không để nước trào lên làm ướt rơm, ghim trong miệng hũ. Thỉnh thoảng phải thay nước ở chậu bằng nguồn nước sạch khác, vì nước cá trong lọ/mùi vị cá toả ra tan trong nước rồi bốc mùi lên, khiến cá trong lọ có mùi sẽ mất vị ngon. Nếu nghe thấy tiếng bùng bục trong lọ ướp cá là có dấu hiệu nước ở trong chậu đã cạn, hở miệng lọ đựng cá, phải đổ thêm nước vào chậu. Nên thường xuyên kiểm tra,

(Xem tiếp trang 34)

KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

"Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất hoa tại Đà Lạt, Lâm Đồng"

THẠC SĨ. VÕ KHIÊM

Những năm gần đây, nhờ ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học, kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật đã góp phần tạo ra nhiều giống hoa mới, có chất lượng và số lượng lớn cho sản xuất. Quy mô ngành trồng hoa Đà Lạt đã có những bước phát triển đáng kể, diện tích canh tác tăng 85 ha năm 1995 lên 550ha năm 2006; Sản lượng hoa cũng tăng từ 26 triệu cành năm 1995 lên 460 triệu cành năm 2006. Hoa Đà Lạt đã từng bước thâm nhập vào thị trường các nước như Nhật Bản, Đài Loan, Singapore, Úc, Mỹ, Châu Âu...

Bên cạnh những lợi thế về khí hậu, thổ nhưỡng, ứng dụng công nghệ và quy trình sản xuất tiên tiến đã giúp cho ngành hoa Đà Lạt phát triển, ngành sản xuất hoa Đà Lạt vẫn còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém, đó là:

- Mô hình sản xuất các loại hoa theo hướng công nghiệp, công nghệ cao còn thiếu; Quy trình công nghệ sản xuất tiên tiến cho từng chủng loại hoa còn thiếu đồng bộ, thống nhất; Cây giống chưa đạt chất lượng và độ đồng đều nên chất lượng hoa chưa cao.

- Công nghệ thu hoạch, xử lý, bảo quản, đóng gói hoa cắt cành gần như chưa được các cơ sở sản xuất quan tâm.

- Việc xây dựng thương hiệu hoa Đà Lạt, nhãn hiệu hàng hoá của các cơ sở



sản xuất hoa còn chưa được chú trọng nên chưa quảng bá, giới thiệu các sản phẩm hoa Đà Lạt một cách rộng rãi trên thế giới. Đây là một hạn chế lớn trong việc sản xuất hoa theo hướng công nghiệp.

Trong khuôn khổ Chương trình xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao KHCN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2004-2010, Bộ Khoa học & Công nghệ đã phê duyệt và giao Trung tâm Ứng dụng KHCN & Tin học tỉnh Lâm Đồng chủ trì thực hiện dự án "Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ KHCN trong sản xuất hoa tại Đà Lạt" trong thời gian 3 năm.

Với 3 nội dung cụ thể là:

1. Xây dựng mô hình nhân giống hoa

Sử dụng các phòng cấy mô Trung tâm Ứng dụng KHCN & Tin học Lâm Đồng, Trung tâm nghiên cứu Khoai tây, Rau và Hoa và các cơ quan nghiên cứu

tại Đà Lạt có đủ trang thiết bị và kinh nghiệm nuôi cấy, tạo nguồn giống gốc sạch bệnh để tổ chức sản xuất cây giống; xây dựng mạng lưới vườn ươm để sản xuất cây giống sạch bệnh, chất lượng cao, Trung tâm đã triển khai việc ứng dụng các quy trình kỹ thuật nuôi cấy in-vitro hoa địa lan, kỹ thuật nuôi cấy in-vitro và ex-vitro hoa cúc, kỹ thuật ghép và nhân giống cây hoa hồng để sản xuất giống và cung cấp cây giống đạt tiêu chuẩn, sạch bệnh cho các mô hình trồng lan, cúc, hồng và cho nông dân.

2. Xây dựng mô hình sản xuất hoa công nghiệp

Mô hình sản xuất hoa chất lượng cao, theo hướng công nghiệp được tổ chức theo từng nhóm nông dân hoặc hợp tác xã, có sự tham gia của các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ hoa.

Để xây dựng thành công mô hình, trong mỗi mô hình sản xuất cần có 1 - 2 cơ sở sản xuất hoặc doanh nghiệp đã có thị trường cùng tham gia nhằm gắn kết sản xuất và thị trường tiêu thụ. Dự án đã chọn các tổ chức có diện tích đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật sản xuất (nhà kính, nhà lưới, hệ thống tưới...), có đủ vốn và lao động đáp ứng yêu cầu triển khai và nhân rộng mô hình và các nông hộ có kinh nghiệm sản xuất (hoặc kinh doanh) hoa địa lan, hoa cúc, hoa hồng; có khả năng tiếp thu và áp dụng có hiệu quả các quy trình công nghệ.

3. Đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn kỹ thuật cho các hộ nông dân tham gia dự án.

Thực hiện các nội dung trên, trong năm đầu triển khai, việc trước tiên dự án đã tiến hành là: Trang bị thêm 2 tủ



cấy vi sinh và một số thiết bị dụng cụ cho phòng nuôi cấy mô thuộc Trung tâm Ứng dụng KH-CN & Tin học để nuôi cấy tạo nguồn cây giống cho Dự án và tổ chức 4 khóa đào tạo, chuyển giao công nghệ về nuôi cấy mô tế bào thực vật (in-vitro), về chăm sóc cây giống hoa giai đoạn sau ống nghiệm các giống hoa địa lan, hoa cúc và quy trình kỹ thuật trồng, thu hoạch, bảo quản sản phẩm hoa địa lan, hoa cúc, hoa hồng cho 60 lượt cán bộ kỹ thuật viên và 8 lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật trồng, chăm sóc và bảo quản sau thu hoạch các loại hoa địa lan, hoa cúc, hoa hồng cho 160 hộ nông dân tham gia dự án, đồng thời cung cấp cây giống sạch bệnh và hỗ trợ một phần vật tư, phân bón, thuốc BVTV cho các nhóm hộ tham gia xây dựng các mô hình sản xuất:

Đến tháng 12/2007:

- Về sản xuất cây giống cho các mô hình: Dự án đã thu thập nguồn giống các loại theo nhu cầu của thị trường, tổ chức nuôi cấy mô và nhân cây giống sạch bệnh, với số lượng 10.000 cây địa lan và 1.200.000 cây cúc và 120.000 mắt giống hoa hồng các loại.

- Về xây dựng các mô hình trồng hoa theo hướng công nghiệp:

(Xem tiếp trang 34)

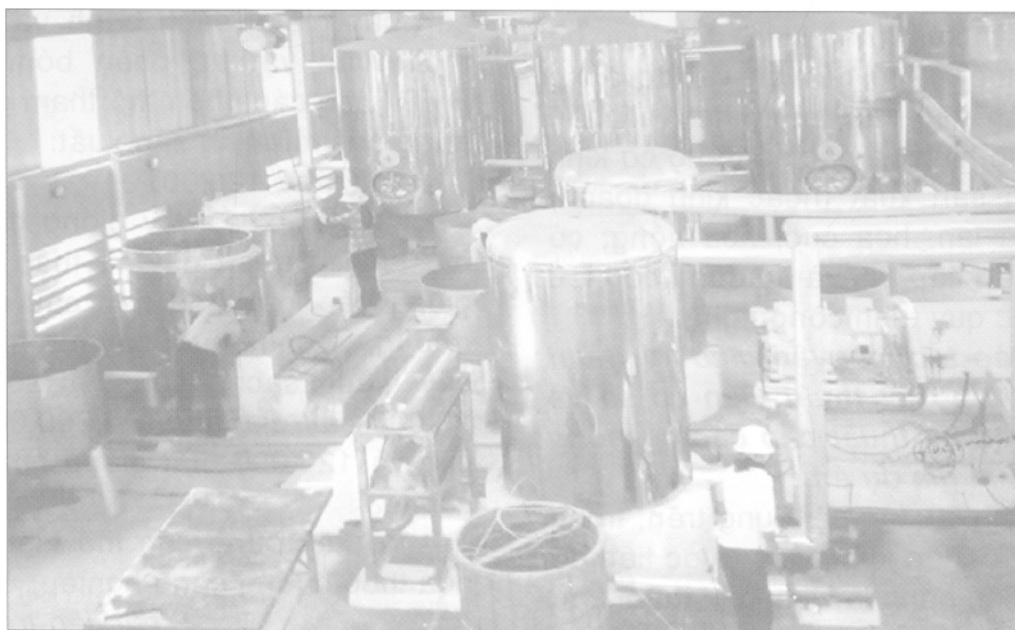
DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ CHẾ BIẾN CÁC LOẠI QUẢ

PHẠM THỊ THANH HƯƠNG

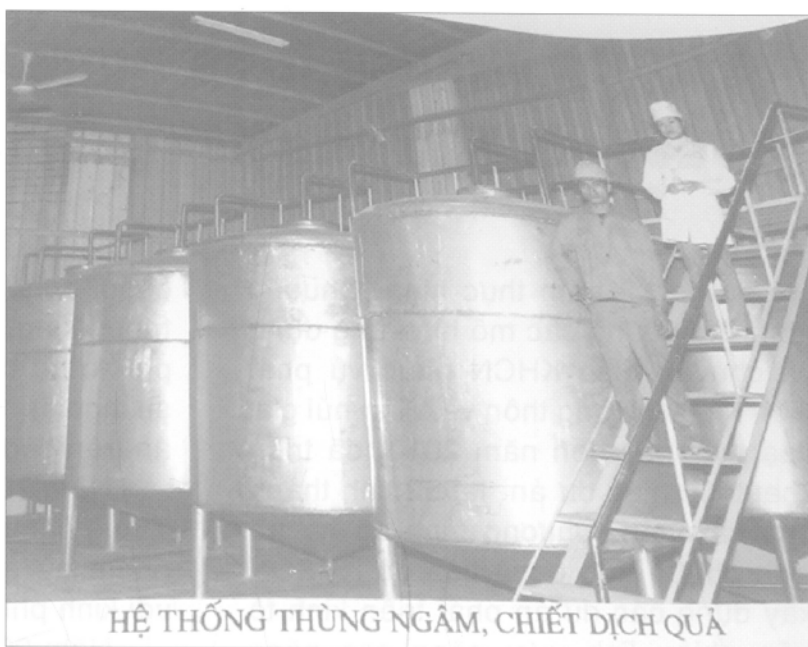
Bắc Kạn là một tỉnh nằm trung tâm các tỉnh vùng núi phía Bắc. Diện tích tự nhiên 487.720 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm dưới 10%, đất lâm nghiệp chiếm 80% tổng diện tích đất toàn tỉnh. Nền kinh tế của tỉnh vẫn là một nền kinh tế nông nghiệp, trình độ sản xuất chưa cao với cơ cấu về giá trị của ngành trồng trọt chiếm gần 2/3 giá trị của ngành nông nghiệp. Cơ sở công nghiệp và dịch vụ còn nhỏ bé.

Trong những năm gần đây, kinh tế trang trại, vườn đồi ở Bắc Kạn có chiều hướng phát triển ở một số huyện, nhiều sản phẩm như : Mơ, quýt, cam ...thu hoạch chủ yếu vào vụ Đông - Xuân. Như vậy các loại quả cần được sơ chế, bảo quản và chế biến để tránh những hư hỏng, tổn thất cho

người sản xuất và cho toàn xã hội, nâng cao giá trị kinh tế, mở rộng thị trường tiêu thụ. Xuất phát từ thực tế của địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đầu tư hỗ trợ dự án “Xây dựng mô hình sơ chế bảo quản và chế biến các loại quả tại Bắc Kạn” do Sở Công nghiệp, Khoa học và Công nghệ Bắc Kạn chủ trì và đơn vị tiếp nhận dự án là Công ty Khoáng sản Bắc Kạn. Thời gian thực hiện từ tháng 11/2002 đến tháng 11/2004. Tổng kinh phí đầu tư 3.208 triệu đồng, trong đó Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ 650 triệu, kinh phí của tỉnh hỗ trợ 500 triệu đồng, vốn của Công ty 2.058 triệu đồng. Với mục tiêu dự án hàng năm tiêu thụ cho người nông dân trong tỉnh từ vài trăm đến hàng nghìn tấn quả tươi (mơ, quýt, cam...),



thúc đẩy việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong tỉnh. Hình thành một ngành công nghiệp chế biến của địa phương, giải quyết việc làm thường xuyên cho 50-70 lao động trực tiếp tham gia chế biến và hàng ngàn lao động nông nghiệp ở các vườn đồi, đảm bảo tiêu thụ sản phẩm các loại quả mơ, cam quýt... của người sản xuất với giá ổn định.



HỆ THỐNG THÙNG NGÂM, CHIẾT DỊCH QUẢ

Theo báo cáo của Sở Công nghiệp, Khoa học và Công nghệ Bắc Kạn, Công ty Khoáng Sản Bắc Kạn, sau gần 5 năm triển khai thực hiện và duy trì kết quả, dự án đã thực hiện được mục tiêu và nội dung đề ra, đã duy trì và mở rộng kết quả của dự án. Dự án đã đào tạo 8 cán bộ kỹ thuật, 20 công nhân tiếp thu và hoàn thiện 4 quy trình công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến phục vụ cho nhà máy. Trên cơ sở các quy trình công nghệ này, xưởng chế biến có thể tạo ra nhiều sản phẩm rau quả khác với nhiều mẫu mã khác nhau. Đã tập huấn và hướng dẫn các tiến bộ kỹ thuật về thu hoạch và bảo quản cho các hộ nông dân, nâng cao trình độ dân trí về áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ mới vào sản xuất. Dự án tạo ra 5.500 lít dịch quả, 574 chai sâm panh mơ, 520 chai rượu vang, 240 chai nước giải khát mơ, và 6 kg ô mai mơ. Trong quá trình thực hiện dự án, Công ty đã mạnh dạn đầu tư nghiên cứu công nghệ chế biến sản phẩm mới trên dây chuyền thiết bị, Công ty đã đưa vào dây chuyền

thiết bị tách khử Andêhyt để chế biến rượu từ sản phẩm rượu ngô của địa phương thành rượu có tên là rượu Bó Nậm - Sản phẩm đã đạt danh hiệu Huy Chương vàng năm 2007. Rượu Bó Nậm đã có thương hiệu trên thị trường (Công ty đã sản xuất chế biến 170.000 lít). Ngoài ra Công ty còn sản xuất thành công NEFTA mơ cung cấp ra thị trường.

Việc tạo ra sản phẩm mới nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị, đa dạng hoá sản phẩm để nhà máy hoạt động quanh năm không phụ thuộc vào thời vụ, nhằm ổn định và tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động.

Từ kết quả đáng mừng của dự án đã khuyến khích người nông dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, đổi mới giống cây trồng trong sản xuất nông nghiệp. Yên tâm đầu tư vào các giống cây ăn quả có giá trị kinh tế cao, góp phần tăng sản phẩm cho xã hội, nâng cao đời sống người dân, góp phần cải thiện môi sinh, môi trường sinh thái.■

Hỗ trợ từ chương trình Nông thôn Miền núi đối với lĩnh vực công nghệ sinh học

NGUYỄN THỊ VÂN

Sau gần 3 năm thực hiện, Chương trình “Xây dựng các mô hình ứng dụng và chuyển giao KH&CN phục vụ phát triển KT-XH Nông thôn và Miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010” đã triển khai thực hiện dự án tại 52 tỉnh thành phố cả nước. Chương trình đã hỗ trợ kinh phí để ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng các dự án phát triển kinh tế trên nhiều lĩnh vực; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế trong lĩnh vực trồng trọt, áp dụng các tiến bộ KH&CN về giống, về thức ăn, phòng trừ sâu bệnh... phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, xây dựng các cơ sở chế biến thủy sản, xử lý ô nhiễm môi trường, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống.... Tuy nhiên do số dự án, quy mô thực hiện ở các lĩnh vực khác nhau nên mức kinh phí hỗ trợ cho mỗi lĩnh vực cũng khác nhau và tập trung ở những lĩnh vực chính là trồng trọt, chăn nuôi, chăn nuôi kết hợp với trồng trọt, công nghệ sinh học (CNSH) và thủy sản.

Trong các dự án thuộc Chương trình đã triển khai từ năm 2005 đến năm 2007 có 20 dự án đầu tư kinh phí cho lĩnh vực CNSH (15 dự án thuộc nhóm Trung ương quản lý và 5 dự án thuộc nhóm ủy quyền địa phương quản lý), chiếm 15,26% tổng số dự án. Kinh phí đầu tư hỗ trợ cho dự án thực hiện chỉ một phần nhỏ kinh phí để chuyển giao tiến bộ KH&CN, hỗ trợ mua sắm thiết bị, đào tạo và tập huấn cho nông dân. Tổng số kinh phí đầu tư cho lĩnh vực

công nghệ sinh học khoảng 19.600 triệu đồng, chiếm 15,79% tổng kinh phí hỗ trợ cho các dự án từ ngân sách sự nghiệp KH&CN Trung ương. Số dự án trên được phân bổ như sau:

- Năm 2005: 8 dự án (7 dự án nhóm Trung ương quản lý và 01 dự án thuộc nhóm ủy quyền địa phương quản lý) với kinh phí hỗ trợ 9.700 triệu đồng;

- Năm 2006: 5 dự án (4 dự án thuộc nhóm trung ương quản lý và 01 dự án thuộc nhóm ủy quyền địa phương quản lý) với kinh phí hỗ trợ: 3.766 triệu đồng;

- Năm 2007: 7 dự án (4 dự án nhóm Trung ương quản lý và 03 dự án thuộc nhóm ủy quyền địa phương quản lý) với kinh phí hỗ trợ: 6.135 triệu đồng.

Với những con số như trên có thể thấy đầu tư cho lĩnh vực CNSH chưa phải là nhiều song đã chứng tỏ sự quan tâm của Bộ KH&CN đối với việc phát triển KT-XH Nông thôn và Miền núi nói chung và lĩnh vực CNSH nói riêng. Và dù nguồn kinh phí còn hạn chế nhưng với sự cố gắng của các cơ quan tham gia dự án như cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ, các Viện trường Đại học, các địa phương tiếp nhận dự án và sự nhiệt tình hưởng ứng tiếp thu tiến bộ KH&CN của bà con nông dân, các dự án đã mang lại hiệu quả rất khả quan, như những mô hình về nuôi trồng nấm, những mô hình về sử dụng phân hữu cơ vi sinh cho cây hồ tiêu... đã mở ra một hướng phát triển mới, khai thác một cách có hiệu quả thế mạnh của từng địa phương có tiềm năng. ■

Các dự án phê duyệt thuộc nhóm Trung ương quản lý thực hiện trong năm 2007 về lĩnh vực trồng trọt

TRƯỜNG THU HÀNG

1. ĐIỆN BIÊN

Tên dự án: “Áp dụng các biện pháp thâm canh bông có hiệu quả nhằm đa dạng hoá cây trồng và phát triển nông nghiệp bền vững tại 3 xã Mường Luân, Chiềng Sơ và Luân Giới, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên”

Nội dung:

- Xây dựng mô hình trồng thuần bông thâm canh tăng năng suất, chất lượng xơ bông, quy mô 120ha (20 ha/xã/năm), năng suất 19-22 tạ/ha, chất lượng xơ bông đạt cấp 1 TCVN;

- Xây dựng mô hình trồng bông xen ngô thưa, quy mô 80ha (20 ha/xã/năm), năng suất bông hạt 16-19 tạ/ha và năng suất ngô xen đạt 15-20 tạ/ha;

- Xây dựng mô hình trồng bông xen đậu tương, quy mô 40ha, năng suất bông hạt đạt 16-19 tạ/ha và năng suất đậu tương xen đạt 5-8 tạ/ha.

Cơ quan chủ trì: Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KH&CN, Sở KH&CN tỉnh Điện Biên

Thời gian thực hiện: 36 tháng, bắt đầu từ 9/2007.

Tổng kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách sự nghiệp Khoa học công nghệ Trung ương: 1.050 triệu đồng

Cơ quan chuyển giao công nghệ: Công ty cổ phần Bông Miền Bắc

2. THANH HOÁ

Tên dự án: “XD MH trồng mây nếp năng suất cao làm nguyên liệu phát triển ngành nghề thủ công mỹ nghệ ở

huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá”

Nội dung:

- Xây dựng vườn ươm giống cây mây với diện tích 1000- 2000m²

- Xây dựng mô hình trồng cây mây nếp quy mô 100ha, đảm bảo năng suất và chất lượng

- Đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật cơ sở và tập huấn quy trình kỹ thuật ươm, trồng, sơ chế mây cho nông dân

Cơ quan chủ trì: Công ty Cao su Thanh Hoá

Thời gian thực hiện: 36 tháng, bắt đầu từ 9/2007

Tổng kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách sự nghiệp Khoa học công nghệ Trung ương: 1.020 triệu đồng.

Cơ quan chuyển giao công nghệ: Công ty Tư vấn đầu tư phát triển lâm nghiệp, Trường ĐH Lâm nghiệp

3. QUẢNG NAM

Tên dự án: “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để phát triển các loài song mây ở Quảng Nam”

Nội dung:

- Xây dựng mô hình ươm giống và nhân giống song mây tại địa phương quy mô tập trung (1.000 – 2.000m²) và phân tán trong các hộ gia đình;

- Xây dựng mô hình trồng rừng giống, vườn giống một số giống song mây với quy mô 20ha;

- Xây dựng mô hình trồng rừng song mây dưới tán rừng với quy mô 200ha;

- Xây dựng mô hình trồng xen trong vườn với quy mô 100 hộ với lượng trồng 100 cây/hộ;

- Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về thu hái, ươm giống, trồng và thu hoạch, sơ chế mây cho nông dân.

Cơ quan chủ trì: Trung tâm ứng dụng Khoa học và công nghệ, sở Khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Nam

Thời gian thực hiện: 36 tháng, bắt đầu từ 9/2007

Tổng kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách sự nghiệp Khoa học công nghệ Trung ương: 1.395 triệu đồng

Cơ quan chuyển giao công nghệ: Trung tâm Nghiên cứu lâm đặc sản, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. NINH THUẬN

Tên dự án: “Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước tại các vùng thiếu nước, khô hạn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Nội dung:

- Chuyển giao công nghệ: Thiết kế hệ thống và quy hoạch bố trí cây trồng, lắp đặt thiết bị và hệ thống tưới, phân tích kỹ thuật và theo dõi hệ thống tưới, quy trình vận hành, quản lý, kết hợp quy trình tưới và phân bón, quy trình bảo trì, duy tu sửa chữa và thay thế thiết bị;

- Xây dựng mô hình tưới tiết kiệm nước 10-12ha cho các loài cây ăn quả và cỏ chăn nuôi gia súc;

- Tập huấn về kỹ thuật tưới, chế độ tưới và phương pháp vận hành hệ thống tưới tiết kiệm nước.

Cơ quan chủ trì: Trung tâm Khuyến nông tỉnh Ninh Thuận

Thời gian thực hiện: 36 tháng, bắt đầu từ 9/2007.

Tổng kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách

sự nghiệp Khoa học công nghệ Trung ương: 780 triệu đồng

Cơ quan chuyển giao công nghệ: Viện Khoa học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. ĐẮK LẮK

Tên dự án: “Xây dựng mô hình trồng rừng cây keo lai (*Acacia mariculafomis*) nhằm phát triển KT vườn rừng tại xã Ea Trang, huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk”

Nội dung:

- Xây dựng 20ha mô hình với tổng diện tích khoảng 100ha vườn rừng keo lai tại xã Ea Trang;

- Đào tạo, tập huấn cán bộ xã, thôn và nông dân phương thức quản lý, nhân rộng mô hình.

Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk

Thời gian thực hiện: 36 tháng, bắt đầu từ 9/2007.

Tổng kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách sự nghiệp Khoa học công nghệ Trung ương: 1.200 triệu đồng

Cơ quan chuyển giao công nghệ: Trung tâm Lâm nghiệp nhiệt đới, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. LẠNG SƠN

Tên dự án: “Ứng dụng tiến bộ Khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất khoai tây giống tại Lạng Sơn”

Nội dung:

- Xây dựng mô hình sản xuất giống khoai tây quy mô 0,5ha/vụ/năm;

- Xây dựng mô hình bảo quản và sơ chế khoai tây theo hướng phục vụ thị trường xuất khẩu;

Cơ quan chủ trì: Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Lạng Sơn, sở KH&CN tỉnh Lạng Sơn

Thời gian thực hiện: 24 tháng, bắt đầu từ 9/2007.

Tổng kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách

sự nghiệp Khoa học công nghệ Trung ương: 1.420 triệu đồng

Cơ quan chuyển giao công nghệ: Viện Sinh học Nông nghiệp, Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. KIÊN GIANG

Tên dự án: “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp đa canh thích hợp cho vùng đồng bào Khmer xã biên giới Phú Lợi, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang”.

Nội dung:

- Mô hình sản xuất lúa giống vụ đông xuân, hè thu, thu đông, quy mô 540 ha;

- Mô hình phát triển chăn nuôi đại gia súc, quy mô 30 bò lai sind và 30 trâu;

- Mô hình trồng cỏ quy mô 6ha;

- Mô hình phát triển nuôi thủy sản, quy mô: nuôi lươn 1200 con/m²/60 hộ, 4ha rô đồng, 6ha cá rô phi.

Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

Thời gian thực hiện: 36 tháng, bắt đầu từ 9/2007.

Tổng kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách sự nghiệp Khoa học công nghệ Trung ương: 1.990 triệu đồng

Cơ quan chuyển giao công nghệ: Trung tâm Chuyển giao Tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8. BÌNH ĐỊNH

Tên dự án: Xây dựng mô hình sản xuất lúa an toàn chất lượng cao tại tỉnh Bình Định.

Nội dung:

- Mô hình sản xuất lúa an toàn chất lượng cao theo kỹ thuật canh tác nông nghiệp định hướng hữu cơ, quy mô 10 ha/huyện x 4 huyện = 40ha;

- Đào tạo 16 kỹ thuật viên và tập

huấn kỹ thuật cho 1.000 lượt nông dân;

- Xây dựng thương hiệu gạo an toàn.

Cơ quan chủ trì: Công ty CP Phân bón và Dịch vụ tổng hợp Bình Định

Thời gian thực hiện: 24 tháng, bắt đầu từ 9/2007.

Tổng kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách sự nghiệp Khoa học công nghệ Trung ương: 1.100 triệu đồng.

Cơ quan chuyển giao công nghệ: Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Duyên hải NTB, Viện KHNNVN, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

9. NINH THUẬN

Tên dự án: “Mô hình phát triển nông nghiệp toàn diện vùng gò đồi hoang hoá cho đồng bào dân tộc Răglay xã Ma nôi, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận”

Nội dung:

- Mô hình phát triển hệ thống bơm va, quy mô 6 hệ thống bơm va, 6 giếng khoan;

- Mô hình thâm canh lúa nước, quy mô 12ha;

- Mô hình trồng cây công nghiệp: điều 12ha, sắn 6ha, bắp lai 12ha, cây cỏ họ đậu trồng xen với cây công nghiệp 4ha;

- Đào tạo 18 kỹ thuật viên.

Cơ quan chủ trì: Trung tâm Thông tin ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ Ninh Thuận, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Thuận.

Thời gian thực hiện: 24 tháng, bắt đầu từ 9/2007

Tổng kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách sự nghiệp Khoa học công nghệ Trung ương: 1.450 triệu đồng

Cơ quan chuyển giao công nghệ: Viện Thổ nhưỡng nông hoá, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam và Viện Khoa học Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

(Xem tiếp trang 34)

GIẢI ĐOẠN 2005-2007:

PHÚ THỌ TRIỂN KHAI 5 DỰ ÁN

Là một tỉnh trung du miền núi thuộc vùng Đông Bắc, có nhiều dân tộc khác nhau. Phú Thọ với điều kiện vẫn còn nhiều khó khăn trong việc phát triển kinh tế – xã hội và nâng cao đời sống của người dân, từ năm 2005 – 2007, Phú Thọ đã được Bộ Khoa học và Công nghệ đầu tư hỗ trợ 05 dự án thuộc Chương trình: “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Nông thôn Miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010”. Tổng số kinh phí hỗ trợ cho 05 dự án từ Ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ Trung ương là 5.130 triệu đồng, trong 05 dự án có 03 dự án hỗ trợ để phát triển trồng trọt, để khai thác tiềm năng thế mạnh của Phú Thọ về cây chè và cây ăn quả đặc sản (hồng Gia Thanh và bưởi Đoan Hùng), 01 dự án về chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tại huyện Thanh Ba, 01 dự án về nuôi trồng thủy sản tại vùng ngập úng huyện Cẩm Khê. Đến nay các dự án



đang triển khai thực hiện và bước đầu đã cho kết quả khá tốt, các dự án thực hiện thành công đã đem lại niềm tin cho người dân, các mô hình đều có khả năng triển khai nhân rộng ra các vùng có điều kiện tương tự như dự án “Xây dựng mô hình trồng thâm canh giống hồng Gia Thanh trên đất đồi sau khai thác bạch đàn tại huyện Phù Ninh”, dự án “Xây dựng mô hình chuyển đổi sản xuất vùng chiêm trũng kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, bền vững tại huyện Cẩm Khê” đã tạo được các mô hình, điểm sáng về nuôi trồng thủy sản để nhân rộng ra các xã trong vùng.

PHÙNG THỊ HIỆP

HỘI NGHỊ SƠ KẾT 3 NĂM HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 122/2004/QĐ-TTg ngày 5/07/2004 về việc phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế- xã hội Nông thôn và Miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010”, thực hiện Quy chế Quản lý Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và

công nghệ phục vụ phát triển kinh tế- xã hội Nông thôn và Miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010” ban hành kèm theo Quyết định số 09/2005/QĐ-BKHCN ngày 18/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Chỉ đạo Chương trình Nông thôn Miền núi tổ chức Hội nghị Sơ kết Hoạt động của Chương trình. Hội nghị được tổ chức tại 2 miền: →

5 DỰ ÁN SẼ NGHIỆM THU VÀO QUÝ I/2008

Ngày 24 tháng 12 năm 2007, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Trần Quốc Thắng đã ký Quyết định số 3100/QĐ-BKHCN, 3101/QĐ-BKHCN, 3102/QĐ-BKHCN, 3103/QĐ-BKHCN về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp Nhà nước nghiệm thu các Dự án thuộc Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Nông thôn Miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010”:

- “Xây dựng mô hình xưởng chế biến và bảo quản một số mặt hàng thuỷ sản ở huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An”;

- “Xây dựng mô hình cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phổ biến kiến thức khoa học, thông tin chuyển giao công nghệ cho tuyến huyện ở các tỉnh Hậu Giang, Đắc Nông, Bình Định, Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoá, Kon Tum và Bắc Giang”;

- “Xây dựng sổ tay chuyển giao

SỔ TAY CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ NÔNG THÔN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Thuộc chương trình: “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi”



Hà Nội, tháng 1 năm 2007

công nghệ phục vụ phát triển Nông thôn và Miền núi”;

- Về lĩnh vực thuỷ sản có 2 dự án:

+ Xây dựng trại sản xuất giống cua biển tại vùng đầm nước lợ xã Kim Đông huyện Kim Sơn Tỉnh Ninh Bình;

+ Xây dựng mô hình ương giống 3 loại cá biển ở một số tỉnh có tiềm năng nuôi biển trọng điểm là Quảng Ninh, Hải Phòng, Nghệ An, Phú Yên

V.P

→ miền Nam tổ chức tại Đồng Nai, trong tháng 1/2008, miền Bắc sẽ tổ chức tại Thái Nguyên, thời gian vào tháng 2/2008, với nội dung:

* Báo cáo kết quả hoạt động của Chương trình đến năm 2007;

* Bước đầu tổng kết những kinh nghiệm, những bài học từ việc tổ chức chuyển giao, triển khai, nhân rộng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học

và công nghệ tại các địa phương, đánh giá những ưu điểm, nhược điểm trong quá trình triển khai thực hiện;

* Xác định nguyên nhân của những khuyết điểm, nhược điểm và đưa ra những giải pháp khắc phục để tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung đã đề ra, phấn đấu đến năm 2010 hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

THU HÀ

(Tiếp theo trang 23)

nếu rơm/lá chuối phía trong miệng lọ bị ướt thì phải thay rơm/lá chuối khô khác. Thông thường, nước/hơi ẩm của miếng cá sẽ làm ướt rơm/lá chuối trong lọ, nếu để lâu sẽ làm cho miếng cá mất mùi thơm, và vị chua. Cá ướp trong lọ, sau ba tháng lấy miếng cá ra nướng than hoa/rán bằng mỡ, thấy miếng cá có màu đỏ, có vị chua đậm đà và mùi thơm đặc trưng là được. Người ta thường dùng cá chua ăn sống với gia vị gồm các loại rau thơm khi uống rượu hoặc nướng chín ăn với cơm. Nhất là khi mưa dầm gió bắc hoặc vào thời tiết mùa đông, se lạnh ăn cơm nóng chín tới với một vài miếng cá thính nướng, thì sẽ tạo ra hương vị và cảm giác rất ấn tượng, nhớ lâu, khó quên. Những ai đã từng lên huyện miền núi Lập Thạch đều được giới thiệu món ăn đặc sản của miền quê đó là cá thính hay dưa chua rau sắn nấu canh với tép.

Nhằm góp phần giữ gìn và phát triển món ăn đặc sắc của miền quê Lập Thạch, đồng thời quảng bá, giới thiệu với bạn bè, khách hàng về cá thính Lập Thạch, và chuyển dịch cơ cấu ngành nghề kinh tế nông nghiệp nông thôn, vừa qua Sở Khoa học và Công nghệ Vĩnh Phúc đã phối hợp với chính quyền các cấp, các ngành hữu quan đề nghị Cục sở hữu trí tuệ-Bộ Khoa học và Công nghệ bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá: Cá thính Lập Thạch.■

(Tiếp theo trang 25)

trên cơ sở các nhóm hộ được chọn, Dự án đã tiến hành thiết kế kỹ thuật, cung cấp vật tư, phân bón, xây dựng các mô hình sản xuất hoa thương phẩm theo hướng công nghiệp trên diện tích 1ha hoa địa lan, 1,6ha hoa hồng và 2,1ha hoa cúc (theo kế hoạch tại Thuyết minh đã được phê duyệt: khi kết thúc dự án Mô hình sản xuất hoa địa lan thương phẩm đạt 2ha; Mô hình sản xuất hoa hồng thương phẩm đạt 4ha; Mô hình sản xuất hoa cúc thương phẩm đạt 12ha)

Hiện nay, Dự án đang tập trung triển khai thực hiện các nội dung, khối lượng công việc bảo đảm tiến độ theo Thuyết minh đã được phê duyệt.■

(Tiếp theo trang 31)

10. HÀ TÂY

Tên dự án: “Ứng dụng công nghệ cao để sản xuất rau an toàn không dùng đất tại Hà Tây”

Nội dung:

- Lựa chọn nguyên liệu sẵn có của địa phương để làm nhà trồng phù hợp với công nghệ và giảm chi phí đầu tư;

- Lựa chọn các nguyên vật liệu sẵn có của địa phương để làm giá thể;

- Mô hình trồng rau an toàn bằng công nghệ cao không dùng đất, quy mô 6 modul xà lách = 1.200m² và 4 modul dưa chuột = 800m²;

- Đào tạo 12 kỹ thuật viên và tập huấn kỹ thuật cho 40 công nhân.

Cơ quan chủ trì: Công ty Cổ phần Việt Đức, tỉnh Hà Tây

Thời gian thực hiện: 30 tháng, bắt đầu từ 9/2007

Tổng kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách sự nghiệp Khoa học công nghệ Trung ương: 1.050 triệu đồng.

Cơ quan chuyển giao công nghệ: Đại học Nông nghiệp I Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo. ■

Trong số này

NỘI DUNG	TÁC GIẢ	TRANG
I. Kết quả chuyển giao tiến bộ KHCN vào sản xuất		
1. Bến Tre: Thâm canh bưởi da xanh chất lượng cao	Nguyễn Nguyên Oánh	3
2. Tiến bộ khoa học và công nghệ về vùng sâu, vùng xa	Nguyễn Thúy Hiền	5
3. Phát triển nghề nuôi rắn Hồ Mang	Nguyễn Viết Nhi	6
4. Ninh Bình làm chủ công nghệ sản xuất giống: Tạo đà phát triển nghề nuôi cua biển	Nguyễn Ngọc Quỳnh	9 10
5. Kết quả bước đầu của dự án nông thôn miền núi tại vùng đồng bào Mông huyện Trạm Tấu, Yên Bái	Nguyễn Văn Tiến	12
II. Mô hình điển hình		
6. Giảm nghèo nhờ áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	Nguyễn Minh Phương	14
7. Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ: Mở hướng đi mới cho nuôi trồng thủy sản Hà Tĩnh	Nguyễn Thị Hương	15
8. Tiến bộ khoa học và công nghệ mới về xa	Vương Đức Tuấn	17
9. Sử dụng phân hữu cơ vi sinh vật chức năng: Giải pháp cứu hồ tiêu	Thanh Huyền	19
III. Trao đổi		
10. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong cấp nước sinh hoạt và xử lý ô nhiễm môi trường ở nông thôn	Nguyễn Hoài Châu	21
11. Vĩnh Phúc: Bảo hộ nhãn hiệu “Cá thính Lập Thạch”	Nguyễn Viết Nhi	23
12. Kết quả bước đầu thực hiện dự án: “Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất hoa tại Đà Lạt, Lâm Đồng”	Thạc sĩ. Võ Khiêm	24
13. Dạy chuyển thiết bị chế biến các loại quả	Phạm Thị Thanh Hương	26
IV. Hoạt động Chương trình		
14. Hỗ trợ từ Chương trình nông thôn, miền núi đối với lĩnh vực công nghệ sinh học	Nguyễn Thị Vân	28
15. Các dự án phê duyệt thuộc nhóm Trung ương quản lý thực hiện trong năm 2007 về lĩnh vực trồng trọt	Trương Thu Hằng	29
V. Tin tức		
16. Giai đoạn 2005-2007: Phú Thọ triển khai 5 dự án	Phùng Thị Hiệp	32
17. Hội nghị sơ kết 3 năm hoạt động của Chương trình nông thôn, miền núi	Thu Hà	32
18. 5 dự án sẽ nghiệm thu vào quý I năm 2008	VP	33



Các mô hình trồng lúa, bí xanh, ớt... bằng giống mới, chất lượng cao thuộc Dự án "Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng nâng cao chất lượng nông sản, tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất canh tác ở một số xã thuộc huyện Ninh Giang, Hải Dương", đã đem lại lợi nhuận cao cho các hộ tham gia dự án.